

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19-12-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4775/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4859/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; nơi ĐKHTTT: Kha L 3, phường Nam S, quận KA, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1975; nơi ĐKHKT: Kha L, phường Nam S, quận KA, thành phố Hải Phòng; hiện tạm trú: Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam S, quận KA, thành phố Hải Phòng từ ngày 02/7/1998. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, luôn cãi vã nhau. Đến năm 2013, chị Phạm Thị H sang Canada làm ăn và từ đó đến nay

không trở về Việt Nam. Anh C chỉ biết chị H lao động tại Canada còn không biết địa chỉ cụ thể. Địa chỉ cuối cùng chị H ở Việt Nam trước khi đi sang Canada: Kha L, phường Nam S, quận KA, thành phố Hải Phòng. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoang A, sinh ngày 04/6/1995 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/01/2001. Hiện các con đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với chị Phạm Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thông báo cho gia đình chị H cung cấp địa chỉ của chị H ở Canada và yêu cầu gia đình chị cho biết kết quả đã thông báo cho chị H biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án chưa. Tuy nhiên, gia đình chị H vẫn không thực hiện yêu cầu trên của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị H và tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua mạng internet nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể chị H ở Canada. Chị H đã được gia đình thông báo về việc anh C có đơn ly hôn với chị, đồng ý với quan điểm của anh C.

Quan điểm của gia đình bị đơn chị H thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh C đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H đều vắng mặt. Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam S, quận KA, thành phố Hải Phòng ngày 02/7/1998 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin

ly hôn của anh C. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, hiện các con đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn chị Phạm Thị H hiện đang sinh sống tại Canada, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H đều vắng mặt, anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Phạm Thị H: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng từ ngày 02/7/1998. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, luôn cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng là do từ năm 2013 chị H sang Canada lao động, từ đó vợ chồng xa cách và không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh C và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh Nguyễn Văn C.

[4] Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H có hai con chung là Nguyễn Hoang A, sinh ngày 04/6/1995 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/01/2001. Hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H có hai con chung là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 04/6/1995 và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/01/2001. Hiện các con đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị H xác nhận không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008429 ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Chị Phạm Thị H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

